

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC KẠN**

Số: /UBND-TH

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bắc Kạn, ngày tháng 4 năm 2022*

V/v tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban KTNS đối với 02 dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn NSNN thực hiện Chương trình MTQG

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Căn cứ ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách HĐND tỉnh tại Báo cáo số 35/BC-HĐND và Báo cáo số 37/BC-HĐND ngày 21/4/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tiếp thu và làm rõ một số ý kiến thẩm tra như sau:

**I. Báo cáo số 35/BC-HĐND ngày 21/4/2022 về thẩm tra Dự thảo nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**1. Ý kiến thẩm tra thứ nhất:** Đề nghị báo cáo làm rõ cơ sở quy định tỷ lệ (%) phân bổ vốn ngân sách nhà nước của các dự án, tiểu dự án giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các huyện, thành phố bằng tỷ lệ (%) phân bổ vốn ngân sách trung ương giữa các bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố để đảm bảo phù hợp, tương quan giữa nhiệm vụ thực hiện CTMQG Giảm nghèo của các cơ quan Trung ương và các sở, ban, ngành tại địa phương.

**Nội dung giải trình làm rõ:** UBND tỉnh giải trình, làm rõ cơ sở quy định tỷ lệ % phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện các dự án, cụ thể như sau:

- Đối với dự án 2 - Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Phân bổ tối đa 15% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; phân bổ tối thiểu 85% cho các địa phương.

+ Tại khoản 1, điều 6, Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, quy định “Tối đa 15% cho các bộ, ngành Trung ương; tối thiểu 85% cho các địa phương”, do đó UBND tỉnh áp dụng theo đúng tỷ lệ của Trung ương.

+ Tại điểm c, khoản 2, mục III Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nội dung hỗ trợ cho dự án 2 gồm 06 nội dung chính, trong đó có 03 nội dung do sở, ngành cấp tỉnh thực hiện một phần, gồm: Tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường.

- Đối với tiểu dự án 1 thuộc dự án 3 - Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: Phân bổ tối đa 10% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; phân bổ tối thiểu 90% cho các địa phương.

+ Tại khoản 1, Điều 7, Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, quy định “Tối đa 2% cho các bộ, cơ quan trung ương; tối thiểu 98% cho các địa phương”. Tuy nhiên, dự kiến tổng kế hoạch vốn trung ương phân bổ cho tỉnh trong giai đoạn 2021-2025 là trên 59 tỷ đồng, nếu áp dụng tỷ lệ 2% thì cả giai đoạn cấp tỉnh dự kiến được phân bổ trên 1,1 tỷ đồng, như vậy là quá ít để thực hiện các nhiệm vụ, do đó UBND tỉnh điều chỉnh là “tối đa 10% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; tối thiểu 90% cho các địa phương”.

+ Tại điểm a, khoản 3, mục III Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nội dung hỗ trợ cho tiểu dự án 1 - dự án 3 gồm 03 nội dung chính, trong đó có 02 nội dung do sở, ngành cấp tỉnh thực hiện một phần, gồm: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyên giao kỹ thuật; tư vấn, tập huấn quản lý tiêu thụ nông sản.

- Đối với tiểu dự án 2 thuộc dự án 3 - Cải thiện dinh dưỡng: Phân bổ tối đa 10% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; phân bổ tối thiểu 90% cho các địa phương.

+ Tại khoản 2, Điều 7, Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, quy định “Tối đa 10% cho các bộ, cơ quan trung ương; tối thiểu 90% cho các địa phương”, do đó UBND tỉnh áp dụng theo đúng tỷ lệ của Trung ương.

+ Tại điểm b, khoản 3, mục III Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nội dung hỗ trợ cho tiểu dự án 2 - dự án 3 gồm 02 nội dung chính, trong đó có 01 nội dung do sở, ngành cấp tỉnh thực hiện một phần, là: Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em.

- Đối với tiểu dự án 1 thuộc dự án 4 - Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (vốn sự nghiệp): Phân bổ tối đa 20% tổng số vốn sự nghiệp của tiểu dự án cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh.

+ Tại khoản 1, Điều 8, Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, quy định “Tối đa 20% cho các bộ, cơ quan trung ương”, do đó UBND tỉnh áp dụng theo đúng tỷ lệ của Trung ương.

+ Tại điểm a, khoản 4, mục III Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nội dung hỗ trợ về vốn sự nghiệp cho tiểu dự án 1 - dự án 4 gồm 04 nội dung chính, trong đó có 03 nội dung do sở, ngành cấp tỉnh thực hiện một phần, gồm: Phát triển chương trình, học liệu giáo dục nghề nghiệp, phát triển nhà giáo, cán bộ quản lý; khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp.

- Đối với tiểu dự án 2 thuộc dự án 4 - Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Phân bổ tối đa 18% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; phân bổ tối thiểu 82% cho các địa phương.

+ Tại khoản 2, Điều 8, Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, quy định “Tối đa 18% cho các bộ, cơ quan trung ương, tối thiểu 82% cho các địa phương”, do đó UBND tỉnh áp dụng theo đúng tỷ lệ của Trung ương.

+ Tại điểm b, khoản 4, mục III Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nội dung hỗ trợ cho tiểu dự án 2 - dự án 4 gồm 02 nội dung chính, trong đó cả 02 nội dung do sở, ngành cấp tỉnh thực hiện một phần, gồm: Giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động; một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ.

- Đối với tiểu dự án 3 thuộc dự án 4 - Hỗ trợ việc làm bền vững: Phân bổ tối đa 10% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; phân bổ tối thiểu 90% cho các địa phương.

+ Tại khoản 3, Điều 8, Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, quy định “Tối đa 10% cho các bộ, cơ quan trung ương, tối thiểu 90% cho các địa phương”, do đó UBND tỉnh áp dụng theo đúng tỷ lệ của Trung ương.

+ Tại điểm c, khoản 4, mục III Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nội dung hỗ trợ về vốn sự nghiệp cho tiểu dự án 3 - dự án 4 gồm 05 nội dung chính, trong đó có 04 nội dung do sở, ngành cấp tỉnh thực hiện một phần, gồm: Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người – người tìm việc; quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; thu thập, phân tích dự báo thị trường lao động; hỗ trợ kết nối việc làm.

- Đối với tiểu dự án 1 thuộc dự án 6 - Giảm nghèo về thông tin: Phân bổ tối đa 30% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh.

+ Tại khoản 1, Điều 10, Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, quy định “Tối đa 30% cho các bộ, cơ quan trung ương”, do đó UBND tỉnh áp dụng theo đúng tỷ lệ của Trung ương.

+ Tại điểm a, khoản 6, mục III Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nội dung hỗ trợ cho tiểu dự án 1 - dự án 6 gồm 04 nội dung chính, trong đó có 03 nội dung do sở, ngành cấp tỉnh thực hiện một phần, gồm: Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông; tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở; hỗ trợ tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội.

- Đối với tiểu dự án 2 thuộc dự án 6 - Giảm nghèo về thông tin: Phân bổ tối đa 35% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh.

+ Tại khoản 2, Điều 10, Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, quy định “Tối đa 35% cho các bộ, cơ quan trung ương”, do đó UBND tỉnh áp dụng theo đúng tỷ lệ của Trung ương.

+ Tại điểm b, khoản 6, mục III Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nội dung hỗ trợ cho tiểu dự án 2 - dự án 6 gồm 06 nội dung chính, trong đó có 05 nội dung do sở, ngành cấp tỉnh thực hiện một phần, gồm: Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang ... về giảm nghèo bền vững; hỗ trợ cơ quan báo chí, xuất bản; tổ chức phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo – Không để ai bị bỏ lại phía sau”; tổ chức các hoạt động đối thoại về chính sách giảm nghèo ở các cấp; phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

- Đối với dự án 7 - Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình: Phân bổ tối đa 25% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh.

+ Tại khoản 1, Điều 11, Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, quy định “Tối đa 25% cho các bộ, cơ quan trung ương”, do đó UBND tỉnh áp dụng theo đúng tỷ lệ của Trung ương.

+ Tại khoản 6, mục III Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nội dung hỗ trợ cho tiêu dự án 1 và 2 - dự án 7 gồm 06 nội dung chính, trong đó có 05 nội dung do sở, ngành cấp tỉnh thực hiện một phần, gồm: Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm, tổ chức hội thảo, hội nghị về công tác giảm nghèo; kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chính sách, chương trình giảm nghèo; tổ chức điều tra rà soát hộ nghèo, cận nghèo; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo.

**2. Ý kiến thẩm tra thứ hai:** Đề nghị bổ sung một số nội dung vào Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết nhằm đảm bảo đúng thời gian, thống nhất trách nhiệm trong quá trình triển khai thực hiện chương trình:

+ Bổ sung khoản 6 Điều 3 Chương I. Nguyên tắc phân bổ vốn, như sau: “6. Việc lập, xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững hằng năm của các sở, ban, ngành và các cấp tại địa phương được thực hiện cùng thời điểm lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công và dự toán ngân sách hằng năm. Trình tự lập, xây dựng kế hoạch, dự toán và phân bổ ngân sách được thực hiện theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn hiện hành”.

+ Bổ sung khoản 3 Điều 13 Chương III Điều khoản thi hành, nội dung: “3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án trong kế hoạch đầu tư phát triển và sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm thuộc Chương trình”..

**Nội dung tiếp thu, giải trình:** UBND tỉnh tiếp thu ý kiến thẩm tra nêu trên, nhất trí với dự thảo Nghị quyết kèm theo.

**3. Ý kiến thẩm tra thứ ba:** Trên cơ sở kế hoạch số vốn thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 của tỉnh (tại Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 21/3/2022) và tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSNN thực hiện Chương trình tại dự thảo nghị quyết, đề nghị UBND tỉnh báo cáo bổ sung số kinh phí dự kiến thực hiện các dự án, tiêu dự án của CTMTQG Giảm nghèo năm 2022 phân bổ cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các huyện, thành phố, làm cơ sở cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thông qua Nghị quyết.

**Nội dung tiếp thu, giải trình:** UBND tỉnh tiếp thu ý kiến thẩm tra và làm rõ như sau:

Ngày 07/4/2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có Tờ trình số 2311/TTr-BKHĐT về phương án phân bổ và giao kế hoạch vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia. Trong đó, dự kiến tổng kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo

bền vững giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Kạn là 934.754 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư là 472.241 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 462.513 triệu đồng.

Trên cơ sở dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã dự kiến phân bổ kế hoạch vốn cho các đơn vị, địa phương chi tiết tại các biểu kèm theo.

*(gửi kèm các biểu dự kiến phân bổ kế hoạch vốn)*

## **II. Báo cáo số 37/BC-HĐND ngày 21/4/2022 về thẩm tra Dự thảo nghị quyết ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**1. Ý kiến thẩm tra thứ nhất:** Đề nghị bổ sung khoản 4 tại Điều 4. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm như sau: “*Việc lập, xây dựng kế hoạch, dự toán thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hằng năm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cấp tại địa phương được thực hiện cùng với thời điểm xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công và dự toán ngân sách hằng năm. Trình tự lập, xây dựng kế hoạch, dự toán và phân bổ ngân sách được thực hiện theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn hiện hành*”.

**Nội dung tiếp thu, giải trình:** UBND tỉnh tiếp thu ý kiến thẩm tra nêu trên, sẽ chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với Ban Kinh tế Ngân sách – HĐND tỉnh bổ sung, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

**2. Ý kiến thẩm tra thứ hai:** Đề nghị làm rõ thêm về lý do đối với các nội dung không áp dụng phương pháp tính điểm theo Quyết định số 39 mà phân bổ theo danh mục công trình, dự án cụ thể.

### **Nội dung giải trình làm rõ:**

Một số nội dung nếu áp dụng theo tiêu chí, định mức điểm của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ thì sẽ không đảm bảo bám sát theo nhu cầu thực tế, việc phân bổ vốn sẽ manh mún, dàn trải, không được tập trung đầu tư trọng tâm, trọng điểm, cụ thể:

- Việc phân bổ theo điểm sẽ không đảm bảo theo nhu cầu thực tế, dẫn đến việc đầu tư manh mún, dàn trải, như:

+ Đối với nội dung hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung thuộc dự án 1, nếu phân bổ theo định mức công trình như trong Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg (01 công trình nước sinh hoạt được 30 điểm) sẽ không đảm bảo theo nhu cầu thực tế của địa phương. Trên thực tế, nhu cầu hỗ trợ nước sinh hoạt của các địa phương không đồng đều, tiêu chí phân bổ dự án nước sinh hoạt cần căn cứ theo nhiều tiêu chí như số hộ hưởng lợi, địa điểm xây dựng, nguồn nước cung cấp... do đó cần phân bổ theo danh mục đầu tư xây dựng công trình với tổng mức đầu tư cụ thể được phê duyệt.

+ Đối với nội dung Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết thuộc dự án 2, nếu phân bổ theo định mức công trình như trong Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg (Dự án có quy mô vốn dưới 01 tỷ đồng được 10 điểm; dự án

trên 01 tỷ đồng, cứ tăng thêm 100 triệu đồng được tính thêm 01 điểm) sẽ không đảm bảo theo nhu cầu thực tế địa phương. Trên thực tế, nhu cầu quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư của các địa phương được xác định tổng mức đầu tư dựa trên các đặc điểm dân cư, địa điểm, giải phóng mặt bằng dự án..., do đó cần phân bổ theo danh mục đầu tư xây dựng công trình với tổng mức đầu tư cụ thể được phê duyệt.

+ Đối với dự án trồng dược liệu quý được hỗ trợ bằng nguồn vốn đầu tư thuộc tiểu dự án 2 – Dự án 3, tỉnh Bắc Kạn dự kiến được phân bổ kế hoạch vốn đầu tư để thực hiện 01 dự án, do đó không cần áp dụng phương pháp tính điểm.

Hoặc nếu phân bổ cho các địa phương sẽ rất manh mún, nhỏ lẻ: Nội dung trồng dược liệu quý được bằng nguồn vốn đầu tư, dự kiến giai đoạn 2021-2025 tỉnh sẽ được phân bổ trên 28 tỷ đồng, trong đó năm 2022 dự kiến phân bổ trên 6 tỷ đồng, nếu phân bổ theo điểm, bình quân các địa phương trong giai đoạn 2021-2025 là 3,5 tỷ đồng/huyện và năm 2022 dự kiến phân bổ 0,75 tỷ đồng/huyện, như vậy đầu tư sẽ dàn trải không tập trung.

+ Đối với dự án 6 - Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch, 5 tiêu chí tính điểm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg không phải là tiêu chí đại diện hết cho các địa phương, một số tiêu chí được quy định để tính điểm, như: điểm đến du lịch tiêu biểu, làng bản truyền thống tiêu biểu chưa có quy định rõ, cụ thể để xác định, việc áp dụng tính điểm không khả thi.

Nếu phân bổ cho các địa phương sẽ rất manh mún, nhỏ lẻ: Nội dung này dự kiến giai đoạn 2021-2025 tỉnh sẽ được phân bổ trên 43 tỷ đồng, trong đó năm 2022 dự kiến phân bổ trên 07 tỷ đồng, bình quân các địa phương trong năm 2022 chỉ được phân bổ gần 01 tỷ đồng/huyện, như vậy đầu tư sẽ dàn trải không tập trung.

- Bên cạnh đó, điều kiện thực tế của mỗi địa phương lại khác nhau, những địa phương không có các xã ATK, xã CT229 được ưu tiên đầu tư từ nhiều chương trình, dự án khác nhau (như các chương trình, dự án sử dụng vốn nước ngoài ODA, FDI), trong khi các địa phương có các xã ATK, xã CT229 không được tiếp cận, đầu tư từ các nguồn vốn này. Do đó, việc phân bổ theo danh mục cụ thể sẽ đảm bảo được bám sát nhu cầu thực tế của các địa phương và phân bổ các nguồn vốn đảm bảo đồng đều giữa các địa phương trong thực hiện tất cả các nguồn vốn có trên địa bàn.

Trong quá trình thực hiện, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan cấp tỉnh phối hợp chặt chẽ với các địa phương để đảm bảo vai trò, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành trong thực hiện Chương trình.

**3. Ý kiến thẩm tra thứ ba:** Tại nhóm tiêu chí cơ bản, phân bổ vốn đầu tư Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 (*Khoản a, Điều 10 dự thảo Quy định*) có chia nội dung tiêu chí tính điểm cho tỉnh, địa phương nhưng chưa nêu cơ sở để phân định tiêu chí tính điểm cho tỉnh, địa phương. Xây dựng tiêu chí mỗi địa phương xây mới 01 chợ nhưng chưa phân tích rõ nhu cầu xây mới chợ ở các địa phương trong giai đoạn hiện nay.

**Nội dung giải trình làm rõ:**

Các nội dung tính điểm cho tỉnh đảm bảo cho việc phân bổ kế hoạch vốn tập trung, tránh dàn trải, và thực hiện các dự án liên xã, liên vùng (đặc biệt là các dự án đường giao thông). Theo báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình và Tờ trình phân bổ vốn của Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tỉnh Bắc Kạn được phân bổ đầu tư mới 02 chợ và sửa chữa nâng cấp 04 chợ, tuy nhiên do nhu cầu xây mới chợ lớn nên tỉnh sẽ dự kiến cân đối trên nguồn lực trung ương giao để bố trí cho mỗi địa phương xây mới 01 chợ và sửa chữa 01 chợ.

**4. Ý kiến thẩm tra thứ tư:** Tại nhóm tiêu chí ưu tiên, phân bổ vốn sự nghiệp Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 (*Khoản b, Điều 10 dự thảo Quy định*) quy định số điểm khác so với Quyết định số 39, tuy nhiên trong báo cáo thuyết minh thì nêu áp dụng phương pháp tính điểm như trong Quyết định số 39

***Nội dung tiếp thu, giải trình:***

Do sơ suất trong khâu soạn thảo nên số điểm tại phần vốn sự nghiệp Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 khác so với Quyết định số 39, UBND tỉnh tiếp thu ý kiến thẩm tra nêu trên, sẽ chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với Ban Kinh tế Ngân sách - HĐND tỉnh chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, đảm bảo tiêu chí và hệ số điểm của nội dung trên theo đúng Quyết định số 39.

**5. Ý kiến thẩm tra thứ năm:** Tại phần phân bổ vốn sự nghiệp Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 thuộc Dự án 10 (*Khoản 1 Điều 16 dự thảo Quy định*) mới chỉ phân bổ cho Ban Dân tộc tỉnh mà không phân bổ cho các sở, ngành liên quan như Sở Tư pháp (*thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý*); Sở Thông tin và Truyền thông (*thực hiện công tác tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông*).

***Nội dung giải trình làm rõ:***

Tại Quyết định số 39, Trung ương phân bổ cho Bộ Quốc phòng không quá 2%, Bộ Tư pháp không quá 1%; Bộ Thông tin và Truyền thông không quá 3%; tuy nhiên nếu áp dụng mức phân bổ trên đối với tỉnh thì sẽ rất thấp, do đó nội dung này đề nghị giao và phân bổ vốn cho Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, trong quá trình thực hiện Ban Dân tộc tỉnh sẽ chủ động phối hợp với Sở Tư pháp và Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; thực hiện công tác tuyên truyền, vận động đồng bào.

**6. Ý kiến thẩm tra thứ sáu:** Tại phần phân bổ vốn đầu tư Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Dự án 10 (*Khoản 2 Điều 16 dự thảo Quy định*), trong đó phân bổ cho Ban Dân tộc tỉnh tối đa 24% vốn đầu tư của tiểu dự án 2. Đề nghị UBND tỉnh xem xét quy định tỷ lệ (%) phân bổ vốn ngân sách nhà nước theo hướng đẩy mạnh phân cấp cho các địa phương nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt trong quá trình tổ chức thực hiện.

***Nội dung giải trình làm rõ:***

Tại mục 2, phụ lục X, Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg quy định phân bổ không quá 25% vốn sự nghiệp cho các bộ, ngành trung ương, trong đó cho Ủy ban Dân tộc không quá 24,5%, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam không quá 0,5%. Tuy nhiên đối với thực tế của tỉnh, cơ quan soạn thảo đề nghị chỉ thực hiện phân bổ cho Ban Dân tộc tỉnh, không phân bổ cho Liên minh Hợp tác xã tỉnh do không đủ để lập dự án đầu tư. Nội dung thực hiện của Ban Dân tộc tỉnh dự kiến gồm có xây dựng hệ thống phòng họp trực tuyến các cấp kết nối với trung ương, hệ thống chính phủ điện tử của các cơ quan làm công tác dân tộc kết nối với Ủy ban Dân tộc và Chính phủ..... Dự kiến tổng kế hoạch vốn đầu tư của tiểu dự án thuộc dự án 10 là 31,6 tỷ đồng và số kế hoạch vốn dự kiến bố trí cho Ban Dân tộc tỉnh là 7,5 tỷ đồng.

Trên cơ sở ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, tiếp thu ý kiến thẩm tra, giảm tỷ lệ phân bổ cho cấp tỉnh để đẩy mạnh phân cấp cho các địa phương nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt trong quá trình tổ chức thực hiện và đề nghị giảm tỷ lệ từ 24% xuống còn 15% (*tương đương cấp tỉnh được phân bổ 4,7 tỷ đồng*), như vậy sẽ đảm bảo kinh phí để thực hiện các nội dung của cấp tỉnh.

**7. Ý kiến thẩm tra thứ bảy:** Tại phần phân bổ vốn sự nghiệp Tiểu dự án 3 Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình thuộc Dự án 10 (*Khoản 3 Điều 16 dự thảo Quy định*): Áp dụng cách phân bổ cho các bộ, ngành trung ương như quy định tại Quyết định số 39 nên có 22 sở, ban, ngành cấp tỉnh được phân bổ vốn. Tuy nhiên, tại dự thảo Nghị quyết chỉ có một số cơ quan cấp tỉnh được phân công trực tiếp thực hiện các dự án, tiểu dự án; đề nghị làm rõ việc phân bổ vốn để thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình đối với những đơn vị như Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Sở Công Thương...

***Nội dung giải trình làm rõ:***

Các đơn vị không được phân công trực tiếp thực hiện các dự án, tiểu dự án nhưng vẫn cần thực hiện kiểm tra, giám sát như Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Sở Công Thương..., cụ thể: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát các dự án tại các địa bàn có yếu tố quốc phòng, an ninh như xã CT229, xã ATK; Sở Công Thương thực hiện kiểm tra, giám sát các dự án như xây mới, sửa chữa chợ,... do đó cần phải phân bổ vốn và việc phân bổ vốn đã bám sát Quyết định số 39 của Thủ tướng Chính phủ.

**8. Ý kiến thẩm tra thứ tám:** Biểu tính điểm kèm theo Tờ trình còn có sai sót trong số liệu và chỉ mang tính minh họa do số liệu các địa phương còn thiếu, chưa phù hợp với thực tế.

***Nội dung giải trình làm rõ:***

Các số liệu tại biểu tính điểm minh họa là các số liệu sơ bộ, chưa có sự rà soát, thống nhất của các ngành, các địa phương; sau khi Nghị quyết được HĐND tỉnh thông qua, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các sở, ngành phối hợp với địa phương rà soát, phê duyệt làm căn cứ phân bổ kế hoạch vốn.



**9. Ý kiến thẩm tra thứ chín:** Đề nghị bổ sung khoản 3, điều 17 tại điều khoản thi hành như sau: “3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án trong kế hoạch đầu tư phát triển và sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thuộc Chương trình”.

**Nội dung tiếp thu, giải trình:** UBND tỉnh tiếp thu ý kiến thẩm tra nêu trên, sẽ chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với Ban Kinh tế Ngân sách – HĐND tỉnh bổ sung, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Với nội dung trên, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS, HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT; TC; LĐTĐ; LĐLĐ;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- LĐLĐ;
- Lưu: VT, Việt<sup>VX</sup>; Mai Anh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đăng Bình**